

Số: 1212/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ NỘI

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213; Điều 361; Điều 371; Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1162/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” giữa: Những người yêu cầu:

1. Anh **Trần Văn A**, sinh năm 1973, CCCD số 02407300**** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/3/2022
Đăng ký hộ khẩu thường trú: **Tổ E ngõ A T, phường T (nay phường Đ), thành phố Hà Nội**

Hiện ở tại: **P**, nhà chung cư cao tầng, **số A phố H, phường H, thành phố Hà Nội**.

2. Chị **Nguyễn Thu L**, sinh năm 1985, CCCD: 00118500**** do **Bộ C** cấp ngày 10/7/2025

Đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện ở tại: **P**, nhà chung cư cao tầng, **số A phố H, phường H, thành phố Hà Nội**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Trần Văn A** và chị **Nguyễn Thu L** kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại **UBND phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội** (nay là **UBND phường Ô, Hà Nội**) ngày 22/02/2019 (Giấy chứng nhận kết hôn số 16). Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Trần Văn A** và chị **Nguyễn Thu Lê**.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là **Trần Ý N**, sinh ngày 17/2/2020. Ly hôn anh chị cùng thống nhất để chị **Nguyễn Thu L** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Trần Ý N**, anh **Trần Văn A** cấp dưỡng 15.000.000 đồng/tháng tiền nuôi con chung kể từ tháng 9/2026 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Anh **Trần Văn A** có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nhà ở chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về công nợ chung: Anh chị cùng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị **Nguyễn Thu L** tự nguyện chịu cả, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số BLTU/26E 0003513 ngày 10/8/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VSKND khu vực 3 - Hà Nội;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Phòng THADS khu vực 3 - Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Phạm Đồng Trung